

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 172/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 22-12-2023.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Đức Tâm.

2. Ông Trần Thái Sơn.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số B, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà T và ông N vắng mặt (bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh N lấy nhau là do yêu thương. Ông bà có tổ chức đám cưới vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/5/2008. Thời gian đầu lấy nhau thì ông bà chung sống với nhau rất hạnh phúc và đã có nhau 01 người con tên là Nguyễn Thế D, sinh ngày 10/12/2009 nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn hay cãi nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân khiến hạnh phúc

ngày càng mất đi. Ông bà không chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay.

Nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung, ông bà có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thế D, sinh ngày 10/12/2009, hiện đang sống với ông N. Bà giao con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng cho con.

Bà và ông N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà phải đi làm xa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn là bà T đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn là ông N không có ý kiến về việc giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị T. Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Thế D, sinh ngày 10/12/2009 cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: ông N không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết nếu sau này ông N có yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu D sẽ khởi kiện vụ án khác.

Ông N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà **Lê Thị T** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông **Nguyễn Thanh N**. Ông **N** cư trú tại **xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre**. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà **T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà **T** và ông **N**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà **T** và ông **N** tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã **C, huyện G, tỉnh Bến Tre** nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà **T** thì bà và ông **N** phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được, ông bà không chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Hiện bà **T** không còn tình cảm vợ chồng với ông **N** nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **N**.

Xét thấy, từ khi bà **T** nộp đơn khởi kiện cho đến nay, bà **T** và ông **N** không cải thiện được tình trạng hiện tại để tiếp tục chung sống với nhau. Theo yêu cầu khởi kiện của bà **T**, ông **N** không có ý kiến phản đối, bỏ mặc cho bà **T** tự giải quyết. Như vậy, giữa bà **T** và ông **N** không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đồng thời ông bà đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà **T** và ông **N** lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **T** để giải quyết cho bà **T** được ly hôn với ông **N**.

[3] Về con chung: theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà **T** thì bà **T** và ông **N** có 01 người con chung là **Nguyễn Thế D**, sinh ngày 10/12/2009, hiện đang sống với ông **N**. Bà **T** giao con chung cho ông **N** trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện cháu **D** đang sống với ông **N**, ông **N** không có ý kiến phản đối với lời trình bày của bà **T** về việc giao con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của con chung chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên đối với cháu **D** thì cháu **D** có nguyện vọng được sống chung với cha. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao cháu **D** cho ông **N** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: bà **T** trình bày bà không cấp dưỡng cho con. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, ông **N** có quyền yêu cầu bà **T** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu **D**. Tuy nhiên, do ông **N** vắng mặt và không có ý kiến về việc cấp dưỡng cho con nên

Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này ông **N** có yêu cầu bà **T** cấp dưỡng cho con thì ông **N** có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà **T** trình bày bà và ông **N** không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông **N** thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà **T** phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Thị T**. Bà **Lê Thị T** được ly hôn với ông **Nguyễn Thanh N**.

2. Về con chung: giao cháu **Nguyễn Thế D**, sinh ngày 10/12/2009 cho ông **Nguyễn Thanh N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng cho con: do ông **Nguyễn Thanh N** không có ý kiến về việc cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà **Lê Thị T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà **Lê Thị T** trình bày bà và ông **Nguyễn Thanh N** không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông **Nguyễn Thanh N** thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà **Lê Thị T** phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006244 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền